

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ~~230~~ 30/UBND-VXNV
V/v tham mưu báo cáo đánh
giá kết quả 05 năm thực hiện
Kết luận số 114-KL/TW về
nâng cao hiệu quả công tác
dân vận của cơ quan nhà
nước các cấp

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Kính gửi: Sở Nội vụ.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Văn bản số 5213-CV/TU ngày 23/6/2020; Công văn số ~~230~~ 218.-CV/BCS ngày 30/6/2020 của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về báo cáo đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Nội vụ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu đề cương báo cáo của Ban Thường vụ tỉnh ủy gửi kèm theo văn bản nêu trên; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp theo đúng quy định; *hoàn thành trước ngày 17/7/2020.*

(Gửi kèm Công văn số 5213-CV/TU ngày 23/6/2020)

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy (để b/c);
- Ban Dân vận tỉnh ủy;
- CT và PCT UBND tỉnh Lê Văn Bình;
- VPUB: CVP, PVP (HTMN), VXNV;
- Lưu: VT, NVT.



Lê Văn Bình

TỈNH ỦY NINH THUẬN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 5213-CV/TU

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 6 năm 2020

Báo cáo đánh giá kết quả 5 năm thực hiện
Kết luận số 114-KL/TW về nâng cao hiệu quả
công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp

UBND TỈNH NINH THUẬN
VĂN PHÒNG

Tên: *Công Văn Phòng* Ngày đến: *26/6*
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: - Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc.

Ngày 05/6/2020, Ban Dân vận Trung ương có Công văn số 3163-CV/BDVTW về việc Báo cáo đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp; Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc thực hiện một số nội dung như sau:

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc chỉ đạo việc đánh giá sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 114-KL/TW và báo cáo gửi về Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước ngày 20/7/2020 (qua Ban Dân vận Tỉnh ủy) bằng văn bản và qua Email: bandv@ninhthuan.gov.vn để tổng hợp (gửi kèm Đề cương báo cáo và Biểu phụ lục số liệu).

2. Giao Ban Dân vận Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, hoàn thiện báo cáo trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy để xem xét và ban hành gửi về Ban Dân vận Trung ương theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

TỈNH ỦY
NINH THUẬN

* Nguyễn Bắc Việt

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
Kết quả 5 năm thực hiện Kết luận số 114 - KL/TW, ngày 14/7/2015
của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về “Nâng cao hiệu quả công tác
dân vận của cơ quan nhà nước các cấp”
(Kèm theo Công văn số 5213-CV/TU, ngày 23/6/ 2020)

Khái quát đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh (địa phương), tổ chức các hoạt động của các cơ quan nhà nước; những yếu tố tác động ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai thực hiện công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

A- KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 114-KL/TW

I - CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

1. Công tác quán triệt, triển khai Kết luận số 114-KL/TW gắn với các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan nhà nước các cấp.

2. Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW.

3. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận số 114-KL/TW.

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 114-KL/TW CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÁC CẤP

1. Công tác thể chế hóa, cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận thành chính sách, pháp luật

- Việc xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên các lĩnh vực đời sống xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước:

+ Đánh giá kết quả cụ thể hóa của các cơ quan nhà nước ở địa phương (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân...).

- Việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật và tác động chính sách, pháp luật đến sự phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và đời sống Nhân dân.

2. Việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác dân vận của các cơ quan nhà nước các cấp, gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức.

3. Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước; việc phát huy vai trò Nhân dân tham gia quản lý xã hội, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức.

4. Kết quả thực hiện tiếp công dân, đối thoại, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo, các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài.

- 4.1. Kết quả tiếp công dân.
 - 4.2. Kết quả xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo.
 - 4.3. Công tác đối thoại của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với người dân và cán bộ, công chức, viên chức.
 - 4.4. Kết quả giải quyết các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài.
5. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến phục vụ người dân; việc thực hiện các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở, tác phong làm việc, quy tắc ứng xử của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu cơ quan, đơn vị.
6. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức” và Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.
7. Kết quả triển khai phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào thi đua “Dân vận khéo” lĩnh vực dân vận các cơ quan nhà nước gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
8. Công tác phối hợp giữa các cơ quan nhà nước với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện công tác dân vận. Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về những kết quả đạt được.
2. Những hạn chế, khó khăn và nguyên nhân.
3. Bài học kinh nghiệm.

B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.
2. Với Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan Trung ương.

TỔNG HỢP SỐ LIỆU 5 NĂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 114-KL/TW
(Kèm theo báo cáo đánh giá 5 năm)

1. Số văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp sau khi có Kết luận số 114-KL/TW

Văn bản của tỉnh ủy, thành ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự đảng	Văn bản của cơ quan nhà nước, chính quyền tỉnh
- Nghị quyết: - Chỉ thị: - Kế hoạch, chương trình: - Công văn:	- Nghị quyết: - Chỉ thị: - Kế hoạch, chương trình: - Công văn:

2. Chức danh cán bộ cơ quan nhà nước được phân công phụ trách công tác dân vận

UBND tỉnh	UBND huyện, TP, sở, ngành	UBND xã, phường, thị trấn
- Cấp trưởng: - Cấp phó: - Khác:	- Cấp trưởng: - Cấp phó: - Khác:	- Cấp trưởng: - Cấp phó: - Khác:

3. Công tác kiểm tra thực hiện Kết luận số 114-KL/TW

Cấp tỉnh			
Năm	Số Đoàn KT	Số cuộc KT	Số đơn vị KT
2015			
2016			
2017			
2018			
2019			
2020			
Cộng			

4. Kết quả cải cách hành chính

4.1. Cải cách thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính được cắt giảm		Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	
Tỷ lệ thủ tục HC được cắt giảm so với năm 2015 (...%)	Số điều kiện kinh doanh được cắt giảm so với năm 2015 (chiếm...%)	Mức độ 3 (...TT=.....%)	Mức độ 4 (...TT=.....%)

4.2. Tình giảm biên chế

Cấp xã	Cấp huyện	Cấp tỉnh
Đã giảm...% so với năm 2015	Đã giảm...% so với năm 2015	Đã giảm...% so với năm 2015

5. Kết quả xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo

5.1. Đơn thư khiếu nại

Đơn vị	Tiếp nhận, giải quyết				Vụ việc khởi kiện ra tòa			
	Số lượng thư đã tiếp nhận (đơn)	Số đơn thư thuộc thẩm quyền giải quyết (đơn)	Số đơn thư đã giải quyết (đơn) đạt tỷ lệ %	Số đơn thư tồn đọng (đơn) chiếm tỷ lệ %	Tổng số (vụ việc)	Tòa giữ nguyên QĐ(vụ việc=...%)	Tòa hủy QĐ(vụ việc=...%)	Bờ sung sửa đổi QĐ(vụ việc=...%)
Cấp tỉnh								

5.2. Đơn tố cáo

Đơn vị	Số lượng đơn thư đã tiếp nhận (đơn)	Số đơn thư thuộc thẩm quyền giải quyết (đơn)	Số đơn thư đã giải quyết (đơn) đạt tỷ lệ %	Số đơn thư tồn đọng (đơn) chiếm tỷ lệ %

6. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện Luật tiếp công dân

Chủ tịch UBND huyện (GD sở, ngành)			Chủ tịch UBND tỉnh		
Số lần tiếp định kỳ (lượt)	Số lần tiếp đột xuất (lượt)	Số cuộc đối thoại (cuộc)	Số lần tiếp định kỳ (lượt)	Số lần tiếp đột xuất (lượt)	Số cuộc đối thoại (cuộc)

7. Kết quả công tác hòa giải ở cơ sở (cộng 5 năm)

Số lượng vụ, việc hòa giải	Số vụ, việc hòa giải thành công; đạt tỷ lệ...%

8. Về giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài ở địa phương (cộng 5 năm)

Kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài				Kết quả giải quyết vụ việc “Tổ công tác của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ chỉ đạo từ năm 2019 (nếu có)		
Tổng số vụ việc	Số vụ việc đã giải quyết dứt điểm (vụ); đạt tỷ lệ%	Số vụ việc tồn đọng (vụ); đạt tỷ lệ%	Số vụ việc cần TW hỗ trợ (vụ); chiếm tỷ lệ%	Tổng số vụ việc	Số vụ việc đã giải quyết dứt điểm (vụ); đạt tỷ lệ%	Số vụ việc tồn đọng (vụ); đạt tỷ lệ%

9. Số điển hình dân vận khéo của các cơ quan nhà nước (cộng 5 năm)

Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
Điển hình tập thể	Điển hình cá nhân